

Ea Ly, ngày 13 tháng 6 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Công tác cải cách hành chính 06 tháng năm 2022**

Thực hiện Công văn số 193/UBND, ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo CCHC định kỳ. UBND xã Ea Ly báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính 06 tháng năm 2022 như sau:

**I. Công tác chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính:**

Thực hiện Nghị quyết số 76/NĐ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; UBND xã đã ban hành các kế hoạch chỉ đạo triển khai việc thực hiện công tác CCHC ở đơn vị cụ thể như: Ban hành Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 28/12/2021 về công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã Ea Ly; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 25/02/2022 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2022; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 11/3/2022 về công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn xã Ea Ly và các công văn chỉ đạo tăng cường thực hiện công tác CCHC trên địa bàn xã.

**II. Kết quả thực hiện công tác CCHC:**

**1. Cải cách thể chế:**

*1.1. Xây dựng và ban hành các văn bản QPPL tại địa phương:*

Trong 06 tháng năm 2022 HĐND, UBND xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

*1.2. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật:*

Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Ea Ly năm 2022. Qua rà soát trong 06 tháng năm 2022, HĐND, UBND xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật, không có văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực.

*1.3. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện văn bản QPPL:*

UBND xã chỉ đạo bộ phận Tư pháp, Văn Phòng và các ngành có liên quan thường xuyên kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản đã ban hành tại đơn vị, đến nay chưa phát hiện văn bản nào ban hành sai quy định cũng như sai thẩm quyền.

**2. Cải cách thủ tục hành chính**

*2.1. Cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước,*

*nhiệm vụ của đơn vị:*

Trên cơ sở TTHC của các cơ quan có thẩm quyền ban hành trên các lĩnh vực như: Địa chính- xây dựng; Tư pháp- hộ tịch; Thương binh xã hội ...UBND xã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo quy định, không sách nhiễu, gây phiền hà cho tổ chức, công dân khi đến liên hệ công việc.

#### *2.2. Về kiểm soát thủ tục hành chính:*

Trên cơ sở các kế hoạch thực hiện công tác kiểm soát TTHC của Tỉnh, huyện, UBND xã chỉ đạo bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã (Một cửa) thường xuyên cập nhật các TTHC mới do các cơ quan có thẩm quyền ban hành, thực hiện nghiêm phương án đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

Trong quý I năm 2022, UBND xã chưa nhận ý kiến kiến nghị của cá nhân, tổ chức về giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của đơn vị.

#### *2.3. Công khai thủ tục hành chính:*

Hiện nay, UBND xã đã công khai đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã tại bảng công khai TTHC gồm 30 lĩnh vực với 116 thủ tục, cụ thể trên các lĩnh vực như sau: Lĩnh vực Hộ tịch(19 TTHC), Lĩnh vực Chứng thực(11 TTHC), Lĩnh vực Hòa giải cơ sở(04 TTHC), Lĩnh vực Nuôi con nuôi( 02 TTHC), Lĩnh vực Phổ biến giáo dục Pháp luật(02 TTHC), Lĩnh vực Thể thao(01 TTHC), Lĩnh vực Văn hóa( 03 TTHC), Lĩnh vực Thư viện( 01 TTHC), Lĩnh vực Môi trường( 01 TTHC), Lĩnh vực Đất đai( 01 TTHC), Lĩnh vực Giáo dục đào tạo( 05 TTHC), Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng( 05 TTHC), Lĩnh vực tín ngưỡng tôn giáo( 10 TTHC), Lĩnh vực người có công( 02 TTHC), Lĩnh vực Bảo trợ xã hội( 09 TTHC), Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội ( 02 TTHC), Lĩnh vực Giảm nghèo ( 02 TTHC) , Lĩnh vực trẻ em ( 06 TTHC), Lĩnh vực Tiếp công dân( 01 TTHC) , Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng( 05 TTHC), Lĩnh vực Xử lý đơn( 01 TTHC), Lĩnh vực Khiếu nại( 01 TTHC), Lĩnh vực Tố cáo( 01 TTHC), Lĩnh vực Chính quyền địa phương( 01 TTHC), Lĩnh vực Đường thủy nội địa( 09 TTHC), Lĩnh vực Nông nghiệp( 01 TTHC), Lĩnh vực Phòng chống thiên tai( 05 TTHC), Lĩnh vực Dân số( 01 TTHC), Lĩnh vực Thủy lợi(03 TTHC), Lĩnh vực Trồng trọt( 01 TTHC).

#### *2.4. Thực hiện cơ chế một cửa:*

Việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ tại UBND xã thực hiện theo Quy chế tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại UBND xã.

Phòng làm việc của bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả được trang bị các trang thiết bị như máy tính, máy in, máy Scan và bố trí chỗ ngồi cho công dân đến liên hệ công việc (đảm bảo theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP, ngày 24/4/20189 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính).

Kết quả giải quyết TTHC của UBND xã (theo biểu thông kê đính kèm).

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:**

#### *3.1. Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của đơn vị.*

Thực hiện tốt việc quán triệt đến cán bộ, đảng viên trong đơn vị các văn bản liên quan đến công tác tổ chức bộ máy nhà nước như: Luật Cán bộ công chức và các Nghị định có liên quan về công tác cán bộ.

Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức đúng với trình độ chuyên môn đào tạo, phân công rõ chức năng nhiệm vụ được giao, tăng cường tính chuyên nghiệp hóa của đội ngũ cán bộ, công chức.

Thực hiện tốt công tác đánh giá chất lượng cán bộ, công chức hàng năm thường xuyên cử cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

#### *3.2. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các bộ phận chuyên môn trực thuộc.*

Xác định việc thực hiện nghiêm các thủ tục hành chính trên mọi lĩnh vực do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành là nhiệm vụ hết sức quan trọng góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của địa phương, đơn vị vì vậy UBND xã Ea Ly thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận chuyên môn nhằm để phát hiện kịp thời các sai sót trong khi thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của đơn vị. Trong năm, các bộ phận chuyên môn của UBND xã đều thực hiện tốt các TTHC theo quy định của pháp luật.

#### *3.3. Về phân cấp quản lý:*

Xác định rõ nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, các quy định của pháp luật UBND xã Ea Ly luôn đảm bảo tính ổn định trong bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, từng bước chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức theo quy định của Chính phủ, Bộ Nội vụ, các Bộ, ngành Trung ương có liên quan và đảm bảo phù hợp với đặc điểm tình hình thực tiễn của địa phương.

### **4. Cải cách chế độ công vụ**

Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND, ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về Ban hành quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên và Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND, ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh Phú yên về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Thực hiện đăng ký và cử cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng do tỉnh, huyện tổ chức. Trong 06 tháng đầu năm 2022, UBND xã đã cử 04 công chức tham gia các lớp tập huấn do tỉnh tổ chức; 18 cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn do huyện tổ chức.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

### **5. Cải cách tài chính công:**

Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ, công chức.

UBND xã đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan, trong đó quy định các chế độ về hội họp, đau ốm, công tác phí..., mọi hoạt động đều thực hiện dựa trên Quy chế đã ban hành và các quy định của pháp luật.

UBND xã hiện tại không thực hiện theo Nghị định số 43/NĐ-CP, ngày 25/4/2006 của chính Phủ về Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

### **6. Xây dựng Chính quyền điện tử, chính quyền số**

#### *6.1. Về ứng dụng công nghệ thông tin:*

Trong 06 tháng năm 2022, UBND xã đã tập huấn lại cho CBCC tại xã v/v áp dụng CNTT nhằm đáp ứng yêu cầu công việc của các bộ phận như: hướng dẫn sử dụng hệ thống quản lý văn bản điều hành, sử dụng chữ ký số, số hóa văn bản, hướng dẫn sử dụng mail công vụ ....

Duy trì hoạt động thường xuyên hệ thống mạng internet và các phần mềm hoạt động tốt đáp ứng yêu cầu của các bộ phận.

Hiện nay 100% cán bộ, công chức xã sử dụng thư điện tử công vụ để trao đổi công việc.

#### *6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị:*

Tiếp tục triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã đã được công bố và cập nhật, sửa đổi một số quy trình đúng theo quy định.

### **7. Về tuyên truyền Cải cách hành chính**

UBND xã đã xây dựng và ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2022, tổ chức hội nghị tuyên truyền, phối hợp tuyên truyền tại các hội nghị thôn, buôn và tuyên truyền trực tiếp tại bộ phận một cửa của xã. Tuyên truyền trên trang facebook, trang thông tin điện tử của xã về quy trình giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, tuyên truyền người dân sử dụng dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4.

### **III. Kết quả thực hiện các quy định của Tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị**

**1. Thực hiện Chỉ thị 23-CT/TU ngày 03/06/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị;**

UBND xã thường xuyên quán triệt, đôn đốc cho toàn bộ cán bộ, công chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 23-CT/TU ngày 03/06/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Qua đó, lề lối làm việc của cán bộ, công chức, đã có những chuyển biến tích cực, hầu hết cán bộ, công chức thực hiện nghiêm túc các nội dung của Chỉ thị 23-CT/TU.

UBND xã đã thành lập tổ kiểm tra Chỉ thị 23-CT/TU để kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức xã.

**2. Việc thực hiện “quy định xin lỗi các tổ chức, cá nhân khi giải quyết các TTHC sai sót, trễ hẹn” theo quy định tại Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh:**

UBND xã thường xuyên quán triệt, đôn đốc cho toàn bộ cán bộ, công chức thực hiện nghiêm túc Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh quy định xin lỗi các tổ chức, cá nhân khi giải quyết các TTHC sai sót, trễ hẹn.

Trong 06 tháng năm 2022, UBND xã giải quyết kịp thời đúng thời hạn cho các tổ chức, cá nhân nên không có ban hành thư xin lỗi.

**3. Việc thực hiện gửi thư chúc mừng và thư chia buồn đến người dân:**

Tổng số thư chúc mừng UBND xã đã gửi đến người dân trong 06 tháng năm 2022 là 53 thư chúc mừng, gồm 29 thư chúc mừng gia đình có thêm thành viên mới, 14 thư chúc mừng trăm năm hạnh phúc.

Tổng số thư chia buồn UBND xã đã gửi đến người dân trong 06 tháng năm 2022 là 15 thư chia buồn người thân qua đời.

Việc gửi thư chúc mừng, thư chia buồn bảo đảm kịp thời, đúng thời điểm thể hiện sự quan tâm, chia sẻ của chính quyền với người dân, tạo mối quan hệ gần gũi và gắn kết hơn nữa giữa chính quyền với người dân.

**IV. Đánh giá chung:**

**1. Ưu điểm:**

Trong thời gian qua dưới sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành, công tác cải cách hành chính tại xã đã có bước phát triển đáng kể như: TTHC được công khai minh bạch, rõ ràng, giải quyết các thủ tục hành chính đúng theo quy định của pháp luật, việc thực hiện cơ chế một cửa tại UBND xã đã có những chuyển biến tích cực trong thực hiện TTHC; giảm tình trạng công dân phải đi lại nhiều lần để giải quyết công việc, từng bước xây dựng nền hành chính phục vụ nhân dân.

Kỷ luật, kỷ cương hành chính và ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức từng bước được nâng lên, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc.

## **2. Tồn tại, hạn chế:**

Các TTHC thường xuyên được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã nhưng UBND xã chưa được cập nhật kịp thời dẫn đến việc giải quyết các thủ tục hành chính tại địa phương còn nhiều bất cập, lúng túng, đôi khi có sai sót.

Hệ thống máy móc, trang thiết bị phục vụ cho công tác xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu công việc hiện nay.

## **V. Nhiệm vụ trọng tâm công tác CCHC 06 tháng cuối năm 2022.**

Tiếp tục tăng cường công tác cải cách hành chính tại địa phương với mục tiêu xây dựng chính quyền hoạt động có hiệu lực, hiệu quả và kỷ luật, kỷ cương; cải thiện và nâng cao chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, lãnh đạo UBND xã đối với công tác CCHC, phải nhận thức rõ, sâu sắc về vai trò, ý nghĩa của CCHC đối với quá trình phát triển đất nước, coi CCHC thực sự là một nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội; đồng thời cũng phải xác định đây là việc làm thường xuyên, lâu dài.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính, tăng cường nâng cao nhận thức về công tác cải cách hành chính của cán bộ, công chức và nhân dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, thường xuyên rà soát, kiến nghị sửa đổi, bãi bỏ các thủ tục rườm rà, gây phiền hà cho người dân.

- Triển khai thực hiện hiệu quả mô hình một cửa, một cửa liên thông hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và mức độ hài lòng của người dân; tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử và trao đổi văn bản, tài liệu giữa các ban, ngành với nhau.

- Tiếp tục áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

- Phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, lấy sự hài lòng của người dân đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Đổi mới tác phong, lề lối làm việc, thực hiện tốt văn hóa ứng xử nơi công cộng của cán bộ, công chức nhất là cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Thực hiện chuẩn mực 5 biêt: “Biết chào hỏi, biết lắng nghe, biết giải thích, biết xin lỗi và biết cảm ơn”; Thực hiện văn hóa công vụ theo khẩu hiệu 04 xin “ Xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép” 04 luôn “ Luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ”

- Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, coi đây vừa là mục tiêu vừa là động lực của CCHC. Đây mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, hoàn thiện các quy định về chức danh, tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm, tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng các hình thức phù hợp, có hiệu quả nhằm tạo điều kiện phục vụ tốt nhất các yêu cầu chính đáng của nhân dân. Quy định rõ và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá cán bộ, công chức hàng năm.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 23-CT/TU ngày 03/06/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định xin lỗi tổ chức, cá nhân khi giải quyết thủ tục hành chính sai sót trễ hạn trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Tiếp tục triển khai thực hiện việc gửi thư chúc mừng, thư chia buồn đến người dân đúng quy định...

UBND xã báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính 06 tháng đầu năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Phòng nội vụ huyện;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Minh Sương**



**PHỤ LỤC**

**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ**

(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày / 03 / 2022 của UBND huyện)

STT	Chi tiêu thông kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC</b>				
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quản triết)	Văn bản	6	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	82,85	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	35	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	29	
3.	Kiểm tra CCHC	Cơ quan, đơn vị	1	
3.1.	Số phòng, ban, đơn vị; xã, phường, thị trấn đã kiểm tra	%	100	
3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	2	
3.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	2	
3.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	2	
4	<b>Thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện giao</b>	Nhiệm vụ	35	
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	29	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0	
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>5.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0	<b>1</b>	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	60	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
<b>6</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	0	
<b>II.</b>	<b>CÁI CÁCH THỂ CHẾ</b>	Văn bản	0	
<b>1.</b>	<b>Tổng số VBQPPPL<sup>1</sup> do cơ quan, đơn vị tham mưu HĐND, UBND tỉnh, huyện, thị xã, thành phố ban hành</b>	Văn bản	0	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPPL</b>	Văn bản	0	
2.1.	Số VBQPPPL đã được kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1	Tổng số VBQPPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2	Số VBQPPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPPL</b>		0	
3.1.	Số VBQPPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPPL sau rà soát	%	0	

<sup>1</sup> Văn bản quy phạm pháp luật.

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
3.2.1	Tổng số VBQPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0		
3.2.2	Số VBQPL có kiêng nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0		
<b>III</b>	<b>CÁI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>				
<b>1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>		126		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục			
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	8		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	7		
<b>2.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>				
2.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100		
2.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ			
2.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ			
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%			
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ			
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ			
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100		
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1267		
3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	1267		
<b>IV</b>	<b>CÁI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>				
<b>1</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>				

STT	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.1.	Tỷ lệ việc hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại cơ quan, đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị	4	
1.3.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	23	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	22	Tính luôn CA chính quy
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính (HD68)	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>V.</b>	<b>CÁI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>			
1.	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
<b>3</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lấy kết từ đầu năm)</b>	Người		
<b>4</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)</b>	Người		
4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
<b>VI</b>	<b>CÁI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	%		
<b>1</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công được giao</b>			
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	1.184	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)  2. Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (nếu có) (lấy kê đến thời điểm báo cáo)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lấy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
<b>VII. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH</b>				
1.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến (các huyện, thị xã, thành phố) <i>Lien thong 2 cấp: Từ UBND huyện, thành phố đến - 100% UBND các xã, phường, thị trấn.</i>	Chưa có = 0 Đã có = 1	0 5	
2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương ( <i>Chi thông kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i> ).	%		
2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%		
2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	5	
<b>3</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
3.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	7	
3.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	7	
3.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	7	
3.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
3.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	16,66	
3.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	21	
3.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	21	
3.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
3.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
3.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	28	
3.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	28	
3.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chi thông kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	0	
3.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	126	
3.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	0	
3.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
3.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục		

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</b>	<b>Kết quả thống kê</b>		<b>Ghi chú</b>
		<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>	
3.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Công DVC quốc gia hoặc trên Công DVC của tỉnh.	Thủ tục	126	

Ea Ly, ngày 14 tháng 6 năm 2022

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Minh Suong**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ EALY

PHỤ LỤC 2

**THÔNG KÊ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN  
THỦ CHỨC MÙNG, THƯ CHIA BUỘN**  
*(Kỳ báo cáo: 06 tháng năm 2022 từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022)*

STT	Tên UBND xã, thị trấn	Thư chúc mừng			Thư chia buồn			Khác
		Kết hôn	Sinh con	Xây nhà mới	Khác	Người thân qua đời	Hỏa hoạn	
01	UBND xã Ea Ly	Số hồ sơ TTHC liên quan đến giải quyết	Số hồ sơ TTHC liên đến phát hành	Số hồ sơ TTHC liên đến quản lý giải quyết	Số hồ sơ TTHC liên đến phát hành	Số hồ sơ TTHC liên đến quản lý giải quyết	Số hồ sơ TTHC liên đến phát hành	Số hồ sơ TTHC liên đến phát hành



## ỦY BAN NHÂN DÂN Xã Ea Ly

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG KÊ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THỦ XIN LỖI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
KHI GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SAI SÓT, TRỄ HẸN**

17	Lĩnh vực giảm nghèo	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Lĩnh vực trẻ em	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Lĩnh vực tiếp công dân	6	6	6	6	0	0	0	0	0
20	Phòng chống tham nhũng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Xử lý đơn	6	6	6	6	0	0	0	0	0
22	Lĩnh vực khiếu nại	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Lĩnh vực Tố cáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Lĩnh vực chính quyền địa phương	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Lĩnh vực đường thủy nội địa	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Lĩnh vực Nông nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Lĩnh vực Phòng chống thiên tai	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Lĩnh vực Dân số	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Lĩnh vực Thủy lợi	0	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Lĩnh vực Trồng trọt	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.267</b>	<b>1.267</b>	<b>1.267</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Ea Ly, ngày 14 tháng 6 năm 2022



Nguyễn Thị Minh Sương

**TỈNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC TẠI UBND XÃ EALY**  
(Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022)

17	Lĩnh vực giảm nghèo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Lĩnh vực trẻ em	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Lĩnh vực tiếp công dân	6	0	0	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
20	Phòng chống tham nhũng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Xử lý đơn	6	0	0	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
22	Lĩnh vực khiếu nại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Lĩnh vực Tố cáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Lĩnh vực chính quyền địa phương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Lĩnh vực đường thủy nội địa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Lĩnh vực Nông nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Lĩnh vực Phòng chống thiên tai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Lĩnh vực Dân số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Lĩnh vực Thủy lợi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Lĩnh vực Trồng trọt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Tổng số</b>		<b>1267</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1267</b>	<b>1265</b>	<b>1196</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>1250</b>	<b>1248</b>	<b>0</b>	<b>2</b>					



**Nguyễn Thị Minh Suong**